

Chi tiết mã HS 3919.10

|                     |                                                                                                                                                             |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mã HS               | 3919.10                                                                                                                                                     |
| Mô tả hàng hóa      | Tấm, phiến, màng, lá, băng, dải và các hình dạng phẳng khác tự dính, bằng plastic, có hoặc không ở dạng cuộn / - Ở dạng cuộn có chiều rộng không quá 20 cm: |
| Đơn vị              |                                                                                                                                                             |
| Thời điểm tạo       | 01/11/2026 20:39:00                                                                                                                                         |
| Phiên bản dữ liệu   | 2026.04.05 - BIEU THUUE XNK 2026.04.05.xlsx                                                                                                                 |
| Trạng thái xác minh | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.                                            |
| Liên kết            | <a href="https://vietnamtariff.com/hs-code/391910/">https://vietnamtariff.com/hs-code/391910/</a>                                                           |

5 dòng thuế thuộc 3919.10

| Mã HS      | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị      | Thuế NK thông thường | MFN | VAT                |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------|-----|--------------------|
| 3919.10.10 | Tấm, phiến, màng, lá, băng, dải và các hình dạng phẳng khác tự dính, bằng plastic, có hoặc không ở dạng cuộn / - Ở dạng cuộn có chiều rộng không quá 20 cm: / - - Từ các polyme từ vinyl clorua                                                                                                                                                      | kg/m2/chiếc | 22,5%                | 15% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3919.10.20 | Tấm, phiến, màng, lá, băng, dải và các hình dạng phẳng khác tự dính, bằng plastic, có hoặc không ở dạng cuộn / - Ở dạng cuộn có chiều rộng không quá 20 cm: / - - Từ polyetylen                                                                                                                                                                      | kg/m2/chiếc | 22,5%                | 15% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3919.10.91 | Tấm, phiến, màng, lá, băng, dải và các hình dạng phẳng khác tự dính, bằng plastic, có hoặc không ở dạng cuộn / - Ở dạng cuộn có chiều rộng không quá 20 cm: / - - Loại khác: / - - - Từ các protein đã làm cứng hoặc các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên                                                                                        | kg/m2/chiếc | 22,5%                | 15% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3919.10.92 | Tấm, phiến, màng, lá, băng, dải và các hình dạng phẳng khác tự dính, bằng plastic, có hoặc không ở dạng cuộn / - Ở dạng cuộn có chiều rộng không quá 20 cm: / - - Loại khác: / - - - Từ các polyme trùng hợp; từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp; từ nitrat xenlulo, các acetat xenlulo và các dẫn xuất hóa học khác của xenlulo, đã hóa dẻo | kg/m2/chiếc | 22,5%                | 15% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3919.10.99 | Tấm, phiến, màng, lá, băng, dải và các hình dạng phẳng khác tự dính, bằng plastic, có hoặc không ở dạng cuộn / - Ở dạng cuộn có chiều rộng không quá 20 cm: / - - Loại khác: / - - - Loại khác                                                                                                                                                       | kg/m2/chiếc | 22,5%                | 15% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.